

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai danh sách đối tượng, số lượng bị thiệt hại
do bão gây ra trên địa bàn xã Thạch Khê**

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV; Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Công văn số 5830/SNNMT ngày 02/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc tổng hợp đề xuất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do ảnh hưởng bão năm 2025.

Trên cơ sở tổng hợp danh sách thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại sản xuất nông nghiệp do bão gây ra của các Tổ kiểm tra (được thành lập tại Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 06/10/2025), Ủy ban nhân dân xã thông báo như sau:

1. Niêm yết công khai: Danh sách đối tượng, số lượng và mức độ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng do bão số gây ra trên địa bàn xã. (có danh sách kèm theo).

- **Thời gian niêm yết:** Kể từ ngày 21/10/2025 đến ngày 26/10/2025.

- **Địa điểm niêm yết:** Tại trụ sở UBND xã, tại nhà văn hoá 20 thôn và trên trang tin điện tử xã Thạch Khê.

2. Phân công nhiệm vụ:

- Thôn trưởng các thôn thường xuyên thông báo để nhân dân đến xem danh sách góp ý những sai sót của các đối tượng. Tổ chức dán danh sách đúng nơi quy định và cử an ninh viên thôn bảo vệ danh sách, đồng thời tổng hợp các ý kiến phản ánh của nhân dân về UBND xã (Gửi văn bản qua Đ/c Trần Thị Quế Hoa – Chuyên viên phòng Kinh tế để tổng hợp).

- Phòng Văn hóa – Xã hội: Thường xuyên thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã mỗi ngày 02 lần trong suốt thời gian tổ chức niêm yết công khai.

- Các tổ kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại sản xuất Nông nghiệp do bão gây ra (Được thành lập tại Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 06/10/2025) tổ chức kiểm tra, xác minh phản ánh của nhân dân.

- Phòng kinh tế: Tổng hợp kết quả niêm yết công khai báo cáo các sở, ngành liên quan, báo cáo Lãnh đạo UBND để chỉ đạo kiểm tra, thẩm định.

Sau khi niêm yết công khai, nếu các tổ chức, cá nhân không có ý kiến phản ánh, Hội đồng thẩm định xã sẽ đề xuất phê duyệt danh sách, các kiến nghị sau khi phê duyệt sẽ không có giá trị.

Ủy ban nhân dân xã Thạch Khê thông báo Chi ủy Chi bộ, Ban công tác mặt trận, Ban cán sự các thôn và nhân dân trong toàn xã được biết nội dung trên./.

Nơi nhận:

- TTr Đảng ủy, HĐND xã;
- UBMTTQ xã;
- Chủ tịch, Các PCT UBND;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội;
- Liên đoàn cán bộ các thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

Thiệt hại trên 70%															Thiệt hại từ 30% đến 70%															Kính phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài rừng trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, giếng, rừng giếng	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, giếng, rừng giếng	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm:		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó																		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian giáo ươm dưới 12 tháng tuổi	Ngân sách Trung ương		NSDP đảm bảo																		
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng																	
22	Nguyễn Khắc Lý		8	15		4		4	7,5	2																						
23	Võ Đức Thịnh								3,0																							
24	Nguyễn Văn Đồng								2,0																							
25	Nguyễn Văn Mai								1,0																							
26	Nguyễn Hữu Phước								0,5																							
27	Nguyễn Thị Đan								1,5																							
28	Nguyễn Thị Tài								2,0																							
29	Nguyễn Xuân Trinh								2,0																							
30	Nguyễn Thị Lương								0,2																							
31	Nguyễn Văn Quyết								2,0																							
32	Trần Huy Thiêm								1,0																							
33	Nguyễn Thị Tráng								3,0																							
34	Nguyễn Thị Định								1,5																							
35	Trần Lý								1,5																							
36	Võ Thị Thiệu								2,0																							
37	Võ Thị Viên								2																							
38	Võ Tà Huôi								2																							
39	Nguyễn Thị Nhàn								3																							
40	Nguyễn Thị Thu								2,5																							
41	Hà Hữu Công								2																							
42	Nguyễn Thị Long								1,5																							
43	Nguyễn Thị Liên								2,5																							
44	Võ Văn Lộc								5																							
45	Võ Thị Vàng								2																							
46	Nguyễn Văn Đức								1																							

Thiệt hại trên 70%										Thiệt hại từ 30% đến 70%										Kinh phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giồng	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giồng	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Tăng NSNN hỗ trợ	Tư vấn								
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Tư vấn	Tư vấn							
																(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	
		tư vấn	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tư vấn	tư vấn	tư vấn							
47	Nguyễn Thị Xuân (T)		8	15			4				4	7,5	2									
48	Nguyễn Văn Long											1										
49	Nguyễn Thị Lương											3										
50	Hà Văn											1										
51	Nguyễn Văn Liệu											1										
52	Nguyễn Văn Thọ											2										
53	Nguyễn Thị Lưu											3										
54	Phan Việt Thắng											1										
55	Nguyễn Thị Xuân											1										
56	Võ Thị Trường											1										
57	Nguyễn Hữu Phương											2										
58	Võ Văn Tý											2										
59	Nguyễn Đức Luận											1										
60	Nguyễn Văn Hòa											2										
61	Nguyễn Chí Lý											1,5										
62	Nguyễn Văn Lâm											1										
63	Trần Đình Lâm											2										
64	Nguyễn Xuân Hiếu											2										
65	Trần Đình Sách											1,5										
66	Nguyễn Văn Dũng											2										
67	Nguyễn Văn Hòa											2										
68	Nguyễn Thị Thái											1										
69	Trần Thị Lan											2										
70	Võ Thị Lưu											2										
71	Nguyễn Đức Trình											0,5										

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%										Thực hiện từ 10% đến 70%						Kính phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất mặt trồng đến 1/2 châu Á khả thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu Á khả thực, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài trồng trên đất làm trồng đến 1/2 châu Á khả thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu Á khả thực, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trưng đấu							
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Trưng sách Trưng ưng	NSDP đảm bảo						
		tr. đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr. đồng	tr. đồng	tr. đồng					
72	Nguyễn Văn Phúc		8	15		4		4		7,5	2										
73	Nguyễn Thái Đức									1											
74	Nguyễn Hòa Văn									2											
75	Nguyễn Thị Khách									2											
76	Nguyễn Thị Hải									2											
77	Nguyễn Văn Luyện									1											
78	Nguyễn Hòa Thọ									1											
79	Nguyễn Văn Phương (11)									1											
80	Nguyễn Hải L.ý									1											
81	Nguyễn Văn Nhân									2											
82	Nguyễn Thị Thị									1,5											
83	Nguyễn Văn Thảo									1											
84	Nguyễn Thị Thoa									1,5											
85	Võ Chí Nghĩa									1,5											
86	Nguyễn Văn Mân									0,5											
87	Nguyễn Thị Trinh									1											
88	Nguyễn Thị Miền									0,5											
89	Hồ Việt Cường									1,5											
90	Nguyễn Văn Thuận									1											
91	Võ Thị Tư									3											
92	Trần Đình Chúc									1											
93	Nguyễn Thanh Vinh									1											
94	Nguyễn Thị Thanh									1,5											
95	Võ Xuân Sơn									2											
96	Võ Thị Nhân									0,5											
										1,5											

		Thiệt hại trên 70%										Thiệt hại từ 30% đến 70%										Kinh phí hỗ trợ			
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất làm nông lưu nước môi trường đến 1/2 châu Á Abat thực	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất làm nông lưu nước đến 1/2 châu Á Abat thực	Diện tích vườn rừng, rừng giống	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất làm nông lưu nước	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất làm nông lưu nước đến 1/2 châu Á Abat thực	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất làm nông lưu nước đến 1/2 châu Á Abat thực	Diện tích vườn rừng, rừng giống	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Tổ tức hỗ trợ	Trang đó										
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi					Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP địa phương									
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng									
97	Vô Văn Linh		8	15		4		4	7,5	2				tr đồng	tr đồng	tr đồng									
98	Vô Quang Hùng								1					-											

TRONG NHỮNG BẾ XE AT HỖ TRỢ ĐÓN VƯỜN CÂY TRỒNG, BỊ THUẬT HẠI BỎ HỎI CÂY MÀ THIẾU NGƯỜI NHẬN SỐ 003015.NĐ-CT

Thống kê kết quả thi THPT Quốc gia										Thống kê kết quả thi THPT Quốc gia									
STT	Tên thí sinh	Thang điểm thi	Điểm thi				Điểm thi				Điểm thi				Điểm thi				
			Điểm thi		Điểm thi		Điểm thi		Điểm thi		Điểm thi		Điểm thi		Điểm thi				
			Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi	Điểm thi			
1	THPT Quốc gia	1	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
2	THPT Quốc gia	2	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
3	THPT Quốc gia	3	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
4	THPT Quốc gia	4	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
5	THPT Quốc gia	5	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
6	THPT Quốc gia	6	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
7	THPT Quốc gia	7	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
8	THPT Quốc gia	8	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
9	THPT Quốc gia	9	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
10	THPT Quốc gia	10	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
11	THPT Quốc gia	11	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
12	THPT Quốc gia	12	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
13	THPT Quốc gia	13	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
14	THPT Quốc gia	14	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
15	THPT Quốc gia	15	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
16	THPT Quốc gia	16	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
17	THPT Quốc gia	17	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
18	THPT Quốc gia	18	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
19	THPT Quốc gia	19	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
20	THPT Quốc gia	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
21	THPT Quốc gia	21	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
22	THPT Quốc gia	22	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
23	THPT Quốc gia	23	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
24	THPT Quốc gia	24	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
25	THPT Quốc gia	25	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
26	THPT Quốc gia	26	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
27	THPT Quốc gia	27	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
28	THPT Quốc gia	28	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
29	THPT Quốc gia	29	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
30	THPT Quốc gia	30	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
31	THPT Quốc gia	31	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
32	THPT Quốc gia	32	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
33	THPT Quốc gia	33	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
34	THPT Quốc gia	34	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
35	THPT Quốc gia	35	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
36	THPT Quốc gia	36	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
37	THPT Quốc gia	37	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
38	THPT Quốc gia	38	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
39	THPT Quốc gia	39	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
40	THPT Quốc gia	40	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
41	THPT Quốc gia	41	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
42	THPT Quốc gia	42	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
43	THPT Quốc gia	43	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
44	THPT Quốc gia	44	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
45	THPT Quốc gia	45	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
46	THPT Quốc gia	46	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	
47	THPT Quốc gia	47	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	20	

TỜNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BẢO GẦY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

		Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp	Diện tích vườn rừng, vườn giống	Diện tích cây giống được nuôi trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp	Diện tích vườn rừng, vườn giống	Diện tích cây giống được nuôi trong giai đoạn vườn ươm		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				
			(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		(ha)	(ha)	(ha)
Tổng			8	15	-	4	20,74	-	6,29	7,5	2	0,80	-	-	-	-
V	THÔNG VINH HÒA	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	-	-
1	DTLS dân Tương Bình									0,2						
2	Nguyễn Văn Dề									0,1						

TRONG HỢP BỀ MẶT KHÔNG BÊN VỚI CÂY THỎNG, MẶT THỰC HẠY BỎ LỖ CÂY MÀ THỬ SẠCH BỀ MẶT BẰNG CÂY

Thống kê các chỉ số										Thống kê các chỉ số										Thống kê các chỉ số									
STT	Tên phòng	Tăng giảm (%)	Chỉ số chất lượng			Chỉ số năng suất			Chỉ số chi phí			Chỉ số an toàn			Chỉ số môi trường			Chỉ số xã hội			Chỉ số khác								
			Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3	Chỉ số 1	Chỉ số 2	Chỉ số 3						
1	Phòng Kế toán	10%	85	90	95	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250	260	270	280	290						
2	Phòng Marketing	15%	75	80	85	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250	260	270	280						
3	Phòng Sales	20%	65	70	75	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250	260	270						
4	Phòng Nhân sự	5%	95	100	105	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250	260	270	280	290	300						
5	Phòng IT	12%	80	85	90	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245	255	265	275	285						
6	Phòng Pháp lý	8%	90	95	100	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245	255	265	275	285	295						
7	Phòng Tài chính	18%	70	75	80	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245	255	265	275						
8	Phòng Quản lý chất lượng	14%	82	87	92	117	127	137	147	157	167	177	187	197	207	217	227	237	247	257	267	277	287						
9	Phòng Logistics	11%	78	83	88	112	122	132	142	152	162	172	182	192	202	212	222	232	242	252	262	272	282						
10	Phòng Bảo vệ	6%	92	97	102	127	137	147	157	167	177	187	197	207	217	227	237	247	257	267	277	287	297						
11	Phòng Hành chính	9%	88	93	98	123	133	143	153	163	173	183	193	203	213	223	233	243	253	263	273	283	293						
12	Phòng Nghiên cứu & Phát triển	22%	60	65	70	102	112	122	132	142	152	162	172	182	192	202	212	222	232	242	252	262	272						
13	Phòng Đào tạo	7%	94	99	104	129	139	149	159	169	179	189	199	209	219	229	239	249	259	269	279	289	299						
14	Phòng Công nghệ	16%	72	77	82	107	117	127	137	147	157	167	177	187	197	207	217	227	237	247	257	267	277						
15	Phòng Quản lý rủi ro	13%	84	89	94	119	129	139	149	159	169	179	189	199	209	219	229	239	249	259	269	279	289						
16	Phòng Truyền thông	17%	68	73	78	103	113	123	133	143	153	163	173	183	193	203	213	223	233	243	253	263	273						
17	Phòng Kế toán thuế	11%	86	91	96	121	131	141	151	161	171	181	191	201	211	221	231	241	251	261	271	281	291						
18	Phòng Quản lý khách hàng	10%	81	86	91	116	126	136	146	156	166	176	186	196	206	216	226	236	246	256	266	276	286						
19	Phòng Quản lý nhân sự	12%	79	84	89	114	124	134	144	154	164	174	184	194	204	214	224	234	244	254	264	274	284						
20	Phòng Quản lý tài chính	14%	83	88	93	118	128	138	148	158	168	178	188	198	208	218	228	238	248	258	268	278	288						
21	Phòng Quản lý chất lượng	16%	73	78	83	108	118	128	138	148	158	168	178	188	198	208	218	228	238	248	258	268	278						
22	Phòng Quản lý môi trường	18%	69	74	79	104	114	124	134	144	154	164	174	184	194	204	214	224	234	244	254	264	274						
23	Phòng Quản lý xã hội	20%	64	69	74	99	109	119	129	139	149	159	169	179	189	199	209	219	229	239	249	259	269						
24	Phòng Quản lý khác	22%	60	65	70	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245	255	265						
25	Phòng Quản lý khác	24%	55	60	65	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250	260						
26	Phòng Quản lý khác	26%	50	55	60	85	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245	255						
27	Phòng Quản lý khác	28%	45	50	55	80	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240	250						
28	Phòng Quản lý khác	30%	40	45	50	75	85	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235	245						
29	Phòng Quản lý khác	32%	35	40	45	70	80	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230	240						
30	Phòng Quản lý khác	34%	30	35	40	65	75	85	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225	235						
31	Phòng Quản lý khác	36%	25	30	35	60	70	80	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220	230						
32	Phòng Quản lý khác	38%	20	25	30	55	65	75	85	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215	225						
33	Phòng Quản lý khác	40%	15	20	25	50	60	70	80	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210	220						
34	Phòng Quản lý khác	42%	10	15	20	45	55	65	75	85	95	105	115	125	135	145	155	165	175	185	195	205	215						
35	Phòng Quản lý khác	44%	5	10	15	40	50	60	70	80	90	100	110	120	130	140	150	160	170	180	190	200	210						

[illegible]

[illegible]

TỔNG HỢP DỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÀM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%				Kính phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng mới trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giồng	Diện tích cây giồng được xem trong giải đoạn vườn		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng mới trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giồng	Diện tích cây giồng được xem:		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP địa phương
Tổng			8	15	-	4	-	4	7,5	2	-	-	-	-	
THIÊN NAM HẢI			-	-	-	-	-	-	132,04	-	-	-	-	-	
1	Trần Quýên								1						
2	Võ Thị Dung								1,5						
3	Nguyễn Thị Hoa								1,5						
4	Nguyễn Trọng Bảo								1,5						
5	Nguyễn Văn Sử								2						
6	Nguyễn Thanh Tinh								1,2						
7	Nguyễn Thị Liên								2						
8	Nguyễn Văn Lâm								0,05						
9	Bùi Minh Hân								4						
10	Trần Xuân Huyền								2						
11	Nguyễn Thị Lạc								1						
12	Bùi Kim Lý								3						
13	Nguyễn Thị Tuyết								2						
14	Nguyễn Văn Phương								1,5						
15	Ngô Thị Nhân								1,5						
16	Nguyễn Thị Hương								0,08						
17	Nguyễn Ngọc Thái								2						
18	Nguyễn Văn Hải								0,4						
19	Lê Thị Hiền								0,8						
20	Nguyễn Văn Sơn								0,7						
21	Nguyễn Văn Khôi								1						

Thiệt hại trên 70%										Thiệt hại từ 30% đến 70%										Kinh phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghiệp môi trường đến 1/2 châu Á khẩu thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghiệp khẩu thực, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghiệp môi trường đến 1/2 châu Á khẩu thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghiệp trên 1/2 châu Á khẩu thực, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tổng SSNN hỗ trợ	Trung độ								
						Nhóm cây sinh trưởng nhau, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhau, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống ươm dưới 12 tháng tuổi		NSDP đảm bảo								
															tr đồng	tr đồng	tr đồng					
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng							
22	Trần Thị Thanh		8	15		4		4	7,5	2												
23	Trần Thị Tâm								0,04													
24	Nguyễn Thị Linh								2,5													
25	Nguyễn Thị Thuý								0,45													
26	Nguyễn Thị Quế								0,05													
27	Nguyễn Thị Thọ								3													
28	Nguyễn Văn Huyền								1													
29	Nguyễn Văn Minh								1,5													
30	Trần Xuân Hưng								1,2													
31	Nguyễn Thị Thanh								0,6													
32	Nguyễn Thị Thanh								1													
33	Võ Thị Duyên								1													
34	Nguyễn Minh Thanh								1													
35	Trần Thị Hằng								0,9													
36	Nguyễn Quốc Ai								1,2													
37	Nguyễn Hữu Thọ								0,125													
38	Nguyễn Văn Châu								0,14													
39	Nguyễn Văn Thanh								0,8													
40	Nguyễn Đình Hào								0,438													
41	Nguyễn Văn Hương								2													
42	Nguyễn Văn Thắng								0,6													
43	Nguyễn Văn Lộc								0,05													
44	Nguyễn Kim Bân								2,5													
45	Nguyễn Thị Bưởi								3													
46	Nguyễn Thị Phương								1													

		Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nương mới trồng đến 1/2 châu kỳ khởi thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu kỳ khởi thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài trồng trên đất làm nương mới trồng đến 1/2 châu kỳ khởi thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu kỳ khởi thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó		
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian giáo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giáo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng	
47	Nguyễn Mạnh		8	15		4		4	7,5	2						
48	Bùi Minh Tú								0,25							
49	Nguyễn Quang Trung								0,5							
50	Nguyễn Văn Thuận								2							
51	Nguyễn Minh Cường								0,22							
52	Nguyễn Thị Lâm								4							
53	Trần Thị Oanh								0,1							
54	Nguyễn Văn Biên								3,5							
55	Nguyễn Thị Văn								1							
56	Nguyễn Minh Thuận								1,2							
57	Nguyễn Thị Lâm								1,5							
58	Nguyễn Thị Diệc								1,5							
59	Nguyễn Thị Lương								0,2							
60	Nguyễn Thị Nhoan								0,4							
61	Nguyễn Thị Thanh								0,07							
62	Nguyễn Thị Nguyệt								1,5							
63	Nguyễn Văn Anh								1,2							
64	Nguyễn Thị Thái								0,2							
65	Nguyễn Trung Tình								0,08							
66	Nguyễn Tiến Đức								1,2							
67	Trần Thị Tuấn								0,05							
68	Nguyễn Văn Thìn								6							
69	Nguyễn Thị Ngân								0,28							
70	Nguyễn Văn Hải								1							
71	Nguyễn Thị Thái								1,5							

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%										Thực hiện từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm:		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó							
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giáo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo						
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng							
72	Nguyễn Thị Nghĩa		8	15		4			4	7,5	2										
73	Bùi Đình Liêm									3,5											
74	Nguyễn Văn Dũng									0,7											
75	Nguyễn Thị Chung									0,05											
76	Trần Thị Vi									1,3											
77	Nguyễn Văn Việt									3											
78	Lê Thị Phương									1											
79	Nguyễn Thị Dung									0,07											
80	Nguyễn Thị Khanh									1											
81	Trần Thị Thanh									2											
82	Nguyễn Thị Phương									2											
83	Bùi Thị Học									0,005											
84	Nguyễn Văn Thái									0,7											
85	Nguyễn Thị Sẻ									0,06											
86	Nguyễn Văn Thuận									1											
87	Nguyễn Trung Tình									0,55											
88	Nguyễn Mạnh Hùng									0,02											
89	Nguyễn Thị Chọc									1,5											
90	Nguyễn Thị Lýến									1,46											
91	Nguyễn Văn Phương									0,052											
92	Nguyễn Thị Hòa									0,01											
93	Nguyễn Trí Tâm									0,01											
94	Nguyễn Văn Thái									0,5											
95	Nguyễn Văn Lê									1											
96	Nguyễn Thị Dung									3,5											

Thuận lợi trên 70%												Thuận lợi từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
TT	Đơn vị	Tăng giá trị thực lợi	Diện tích cây rừng, rừng, cây làm sân người gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ Abol thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân người gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ Abol thực, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng, giếng	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân người gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ Abol thực	Diện tích cây rừng, cây làm sân người gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ Abol thực, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng, giếng	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tăng NSNN hỗ trợ	Trung tâm						
						Nhiệm cây sinh trưởng nhanh, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhiệm cây sinh trưởng chậm, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhiệm cây sinh trưởng nhanh, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhiệm cây sinh trưởng chậm, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo					
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng					
97	Nguyễn Danh Quý		8	15		4			4	7,3	2									
98	Nguyễn Thị Dương									0,35										
99	Nguyễn Văn Sơn									0,07										
100	Hải Thị Xuân									2,5										
101	Nguyễn Thị Thanh									2,5										
102	Nguyễn Thị Mai									2										
103	Trần Thị Tuy									1,5										
104	Hoàng Thị Hoàng									0,015										
105	Nguyễn Văn Dịch									1,5										
106	Nguyễn Văn Hải									0,05										
107	Nguyễn Tuấn Vinh									1,7										
108	Nguyễn Thị Thu									0,57										
										3										

TRONG NGÀY 01 XUÂN 01 THÁNG 01 NĂM 01 ĐÓNG CHẤM 01

[illegible]

[illegible]

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỒ TRỢ ĐÓI VỚI LÀM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%										Thiệt hại từ 10% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghĩa mũi trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghĩa trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, vườn giống	Diện tích cây giống được xem trong giải đoạn vườn xem		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghĩa mũi trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nghĩa trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được xem trong giải đoạn vườn xem:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó							
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo sống dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống, có thời gian sống dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo sống dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian sống dưới 12 tháng tuổi		Tài trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo					
Tổng			8	15		4		4	7,5	2											
VIII THÔNG TÂN PHONG			6.151,36	10,10	56,15	-	20,74	-	6,29	682,49	0,80	-	-	-	-	-					
1	Dương Thế Võ	-	10	10	-	-	-	-	-	8,6	40	-	-	-	-	-					
2	Lê Thị Hà			10						8,7											
3	Nguyễn Văn Thanh			11,8						12,8											
4	Nguyễn Văn Hoàng									2											
5	Nguyễn Phú Tùng									7,8											
6	Trần Văn Tâm									1,8											
7	Võ Đình Mạnh									5,9											
8	Phạm Kim Hải									1,5											
9	Địch Huy Thu									1,5											
10	Phạm Văn Quốc									9,7											
11	Lưu Thị Tinh									1,7											
12	Võ Thị Vân									0,4											
13	Nguyễn Thị Minh									0,3											
14	Trần Văn Tuấn									1,2											
15	Trương Thị Hoa									4,6											
16	Phạm Thị Hiền									0,15											
17	Phạm Xuân Hoi									1,2											
18	Nguyễn Thanh Hà									0,2											
19	Nguyễn Thị Thủy									1											
20	Nguyễn Thị Ngự									0,2											
21	Trương Thị Sơn									0,3											

		Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 50% đến 70%						Kính gửi bộ trợ		
TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nương mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nương, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nương mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm nương, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Tăng NSNN hỗ trợ	Trung độ		
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, củ thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP địa phương	
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng	
			8	15		4		4	7,5	2						
22	ĐDDong Van Hoa								22							
23	Lê Tiến Đại								0,7							
24	Hà Đức Lợi								0,6							
25	Nguyễn Văn Tuệ								16,5							
26	Nguyễn Văn Tân								7,4							
27	Trần Văn Tân								0,78							
28	Dương Thị Kỳ								15,4							
29	Trần Văn Trung								0,64							
30	Nguyễn Huy Thu								0,48							
31	Trần Đình Chính								2,3							
32	Trần Văn Hồng								0,3							
33	Phạm Ngọc Thăng								14,8							
34	Trần Thị Liên								0,7							
35	Cộng đồng thôn Tân Phong								15							
36	Cộng đồng thôn Tân Phong								6,8							
37	Cộng đồng thôn Tân Phong								4,1							
38	Cộng đồng thôn Tân Phong								2,5							
39	Cộng đồng thôn Tân Phong								36,3							
40	Vương Đình Phúc								0,1							
41	Lê Văn Luy								0,1							
42	Trần Thị Liên								0,7							
43	Lưu Thị Thanh								0,1							
44	Lưu Vĩnh Hoàng								2,1							

TỔNG HỢP VÀ XUẤT BẢN CỦA CÁC TÁC GIẢ TRONG NHÓM

Thống kê các VN-đầu vào												Thống kê các VN-đầu vào												Thống kê các VN-đầu vào																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
ST	Tên phòng	Tổng giá trị dự án	Phân bổ vốn			Phân bổ chi phí						Phân bổ lợi nhuận			Phân bổ chi phí			Phân bổ lợi nhuận			Phân bổ chi phí			Phân bổ lợi nhuận																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
			Phân bổ vốn	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận	Phân bổ chi phí	Phân bổ lợi nhuận																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													

[illegible][illegible]

TỔNG HỢP DỀ XUẤT HỒ TRỢ ĐÓI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT		Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 50% đến 70%						Kinh phí bù trợ		
				Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, giồng	Diện tích cây giồng được xem trong giai đoạn vườn non		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, giồng	Diện tích cây giồng được xem trong giai đoạn vườn non:		Tăng NSNN bù trợ	Trung do			
							Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo non dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giáo non dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giáo non dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giáo non dưới 12 tháng tuổi		Tăng NSNN bù trợ	Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo	
				tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng		
Tổng				6.151,36	8	15	56,15	-	4	20,74	-	4	7,5	2	0,80	-	-	
IX THÔN ĐẠI HẢI				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trần Quyền																	
2	Võ Thị Dung																	
3	Nguyễn Thị Hoa																	
4	Nguyễn Trọng Bảo																	
5	Nguyễn Văn Sơ																	
6	Nguyễn Thanh Tinh																	
7	Nguyễn Thị Liên																	
8	Nguyễn Văn Lâm																	
9	Bùi Minh Hiền																	
10	Trần Xuân Huyền																	
11	Nguyễn Thị Lạc																	
12	Bùi Kim Lý																	
13	Nguyễn Thị Tuyết																	
14	Nguyễn Văn Phương																	
15	Ngô Thị Nhân																	
16	Nguyễn Thị Hương																	
17	Nguyễn Ngọc Thái																	
18	Nguyễn Văn Hải																	
19	Lê Thị Bích																	
20	Nguyễn Văn Sơn																	
21	Nguyễn Văn Khôi																	

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 10% đến 70%						Kính phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng mới trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng giồng	Diện tích cây giồng được xem trong giai đoạn vườn non		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng mới trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng giồng	Diện tích cây giồng được xem trong giai đoạn vườn non		Tổng NNN hỗ trợ	Trong đó			
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP địa phương		
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng		
22	Trần Thị Thanh		8	15		4		4	7,5	2							
23	Trần Thị Tâm								0,04								
24	Nguyễn Thị Linh								2,5								
25	Nguyễn Thị Thuý								0,45								
26	Nguyễn Thị Quế								0,05								
27	Nguyễn Thị Thọ								3								
28	Nguyễn Văn Huyền								1								
29	Nguyễn Văn Minh								1,5								
30	Trần Xuân Hưng								1,2								
31	Nguyễn Thị Thanh								0,6								
32	Nguyễn Thị Thanh								1								
33	Võ Thị Duyên								1								
34	Nguyễn Minh Thanh								1								
35	Trần Thị Hằng								0,9								
36	Nguyễn Quốc Ai								1,2								
37	Nguyễn Hữu Thọ								0,125								
38	Nguyễn Văn Cầu								0,14								
39	Nguyễn Văn Thanh								0,8								
40	Nguyễn Đình Hào								0,438								
41	Nguyễn Văn Hoàng								2								
42	Nguyễn Việt Thăng								0,6								
43	Nguyễn Văn Lộc								0,05								
44	Nguyễn Kim Bân								2,5								
45	Nguyễn Thị Bưởi								3								

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trong chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trong chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo sown dưới 12 tháng tuổi		Nguồn sách Trung ương	NSDP địa phương		
		tr. đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr. đồng	tr. đồng	tr. đồng		
46	Nguyễn Thị Phương		8	15		4		4	7,5	2							
47	Nguyễn Mạnh								1								
48	Bùi Minh Tú								2								
49	Nguyễn Quang Trung								0,25								
50	Nguyễn Văn Thuận								0,5								
51	Nguyễn Minh Cường								2								
52	Nguyễn Thị Lâm								0,22								
53	Trần Thị Oanh								4								
54	Nguyễn Văn Biên								0,1								
55	Nguyễn Thị Văn								3,5								
56	Nguyễn Minh Thuận								1								
57	Nguyễn Thị Lâm								1,2								
58	Nguyễn Thị Bích								1,5								
59	Nguyễn Thị Long3								1,5								
60	Nguyễn Thị Nhàn																
61	Nguyễn Thị Thanh								0,4								
62	Nguyễn Thị Nguyệt								0,07								
63	Nguyễn Văn Anh								1,5								
64	Nguyễn Thị Thái								1,2								
65	Nguyễn Trung Tĩnh								0,2								
66	Nguyễn Tiến Đức								0,08								
67	Trần Thị Tuấn								1,2								
68	Nguyễn Văn Thìn								0,05								
69	Nguyễn Thị Ngân								6								
									0,28								

TT	Đơn vị	Tăng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất mới trồng đến 1/2 châu kỳ khởi thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu kỳ khởi thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất làm trồng đến 1/2 châu kỳ khởi thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất trên 1/2 châu kỳ khởi thác, diện tích rừng trồng gỗ làm trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tăng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo		
		tr. đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr. đồng	tr. đồng	tr. đồng			
70	Nguyễn Văn Hải		8	15		4		4	7,5	2							
71	Nguyễn Thị Thái								1								
72	Nguyễn Thị Ngân								1,5								
73	Bùi Đình Lâm								2								
74	Nguyễn Văn Đình								3,5								
75	Nguyễn Thị Chung								0,7								
76	Trần Thị Vi								0,05								
77	Nguyễn Văn Việt								1,3								
78	Lê Thị Phương								3								
79	Nguyễn Thị Dung								1								
80	Nguyễn Thị Khánh								0,07								
81	Trần Thị Thanh								1								
82	Nguyễn Thị Phương								2								
83	Bùi Thị Học								2								
84	Nguyễn Văn Thái								0,005								
85	Nguyễn Thị Sỹ								0,7								
86	Nguyễn Văn Thuận								0,06								
87	Nguyễn Trung Tinh								1								
88	Nguyễn Mạnh Hùng								0,55								
89	Nguyễn Thị Chúc								0,02								
90	Nguyễn Thị Luyến								1,5								
91	Nguyễn Văn Phương								1,46								
92	Nguyễn Thị Hoa								0,052								
93	Nguyễn Trí Tâm								0,01								

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 30% đến 70%						Kính phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng 03 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giai đoạn vườn ươm		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo		
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng		
94	Nguyễn Văn Thái		8	15		4		4	7,5	2							
95	Nguyễn Văn Lê								0,5								
96	Nguyễn Thị Dung								1								
97	Nguyễn Danh Quý								3,5								
98	Nguyễn Thị Dung								0,35								
99	Nguyễn Văn Sơn								0,07								
100	Bùi Thị Xuân								2,5								
101	Nguyễn Thị Thanh								2,5								
102	Nguyễn Thị Mai								2								
103	Trần Thị Tuy								1,5								
104	Hoàng Thị Hương								0,035								
105	Nguyễn Văn Đình								1,5								
106	Nguyễn Văn Hải								0,05								
107	Nguyễn Tuấn Vinh								1,7								
108	Nguyễn Thị Thu								0,57								
109	Nguyễn Thị Liên								3								
110	Trần Thị Cường								2								
111	Nguyễn Hoài Minh								1,5								
112	Nguyễn Thị Minh								1								
113	Nguyễn Thị Thanh								0,1								
114	Nguyễn Văn Thanh								1								
115	Nguyễn Côn Thông								1								
116	Võ Thị Trí								2								
117	Nguyễn Thị Liên								1								
									0,1								

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giá trị diện tích vườn		Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn rừng, rừng già	Diện tích cây giống được xem trong giá trị diện tích vườn		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo trồng dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo trồng dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo trồng dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo trồng dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo		
		tư đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tư đồng	tư đồng	tư đồng		
			8	15		4		4	7,5	2							
118	Nguyễn Văn Trình								2								
119	Nguyễn Trọng Thành								3								
120	Nguyễn Thị Nga								0,4								

Trong một thế kỷ nay với cây thuốc bị thiệt hại do bão gây ra thì số lượng người sử dụng thuốc giảm dần.

[illegible]

[illegible]

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thực hiện	Thực hiện trên 70%						Thực hiện từ 30% đến 70%						Kinh phí hỗ trợ		
			Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chưa kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây làm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chưa khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trung tâm			
						Nhóm cây sinh trưởng nhau, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhau, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo		
		tr đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr đồng	tr đồng	tr đồng		
23	Nguyễn Tuấn Bảy		8	15		4		4	7,5	2							
24	Nguyễn Ba Tuấn								1,7								
25	Nguyễn Xuân Mạnh								0,1								
26	Phạm Công Trung								0,1								
27	Phạm Công Điện								1,5								
28	Nguyễn Trọng Tân								0,18								
29	Nguyễn Trọng Hạnh								0,18								
30	Nguyễn Trọng Kiên								0,27								
31	Nguyễn Ba Sáu								2								
32	Đoàn Minh Tùng								0,2								
33	Nguyễn Văn Hưng								1,5								
34	Phạm Bá Chính								1,2								
35	Nguyễn Hữu Diệu								1								
36	Phạm Công Ai								0,2								
37	Nguyễn Trọng Thắng								0,05								
38	Nguyễn Xuân Vinh								0,15								
39	Nguyễn Bá Từ								0,03								
40	Bùi Thị Sơn								0,03								
41	Nguyễn Thanh Bình								0,08								
42	Nguyễn Quang Mai								0,1								
43	Nguyễn Xuân Nghi								0,08								
44	Nguyễn Xuân Thanh								1,5								
45	Võ Thị Thìn								1								
46	Nguyễn Thị Sơn								0,1								
47	Nguyễn Xuân Thúc								0,05								
									0,1								

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%										Thiệt hại từ 30% đến 70%						Kính phí bồi trợ		
			Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sân ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 0,3 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN bù trợ	Trong đó							
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian giống ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo						
			tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng						
48	Bãi Quang Thảng		8	1,5		4		4	7,5	2											
49	Nguyễn Thái Bình								0,2												
50	Nguyễn Văn Khánh								0,1												
51	Tập thể thôn								0,1												
52	Nguyễn Văn Trung								20												
									0,1												